

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HỒNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-6-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Tuấn.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 13-6-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Thanh P, sinh năm 1974.

HKTT: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Cả C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2018, các lời khai của chị Nguyễn Thị T và tại phiên tòa sơ thẩm chị T trình bày: Vào năm 1999 chị T và anh P có tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 29-11-2000 và Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006. Hiện nay, cháu Trần Bảo L đang sống chung với chị T, cháu Trần Bảo T đang sống chung với anh P. Từ ngày sống chung với nhau thì có hạnh phúc, nhưng khoảng tháng 5 năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh P thường xuyên uống rượu nên thiếu trách nhiệm gia đình và anh P còn nhiều lần có động thái xúc phạm chị T đến tháng 12 năm 2016 chị T và anh P đã ly thân. Nhận thấy, tình cảm đã bị rạn nứt không thể hàn gắn lại được có sống chung cũng không còn hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đối với anh P:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh P.

- Về con chung: Theo như trong đơn khởi kiện thì chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng, nhưng vào ngày 16 tháng 4 năm 2018 chị T khai: Qua ý kiến của cháu Trần Bảo T có nguyện vọng sống chung với anh P vì vậy chị T thay đổi yêu cầu và đồng ý để con chung Trần Bảo T cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chị T không tự nguyện cấp dưỡng, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị T thay đổi ý kiến là đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên là Trần Bảo T mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 13-6-2018 đến khi cháu T đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được. Đối với con chung Trần Bảo L có ý kiến nguyện vọng sống chung với chị T nên chị T đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo các lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm anh P trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của chị T, vào năm 1999 anh P và chị T tổ chức lễ cưới, sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quan hệ hôn nhân có 02 con chung tên là Trần Bảo Luân, sinh ngày 29-11-2000 và Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006. Hiện nay, cháu Trần Bảo L đang sống chung với chị T, cháu Trần Bảo T đang sống chung với anh P. Nay chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng giải quyết thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Anh P thống nhất theo yêu cầu của chị T là đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006 (hiện nay

cháu T đang sống chung với anh P), không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 13-6-2018 đến khi cháu T đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được thì anh đồng ý. Đối với con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 29-11-2000 anh P đồng ý để chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh P không tự nguyện cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết,

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị T và anh P là quan hệ vợ chồng.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh P.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy, Tòa án thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh P tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn được sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thông Bình, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và Ủy ban nhân dân xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12-02-2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

...”

Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con chung và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh P có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vì vậy, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Trần Thanh P quan hệ vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Theo lời khai của chị T và anh P và tại phiên tòa hôm nay anh chị đều thừa nhận trong khoảng thời gian sống chung với nhau như vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 29-11-2000 và Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006, nay ly hôn chị T, anh P thống nhất và đồng thời phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu L và cháu T: Chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 29-11-2000 (cháu L đang sống chung với chị T và có nguyện vọng sống chung với chị T). Anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006 (Hiện cháu T đang sống chung với anh P và có nguyện vọng sống chung với anh P). Chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên là Trần Bảo T mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 13-6-2018 đến khi cháu T đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Còn đối với con chung tên Trần Bảo L thì chị T không yêu cầu và anh P cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Căn cứ vào khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng. Vậy, tổng cộng chị T phải chịu 600.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh P không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng vào các điều 9, 14, 15, 51, 53, 81, 82, 83, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Thanh P là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Thanh P như sau: Chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Bảo L, sinh ngày 29-11-2000 (Hiện cháu L đang sống chung với chị T). Anh P được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Trần Bảo T, sinh ngày 26-6-2006 (Hiện cháu T đang sống chung với anh P). Chị T, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung tên là Trần Bảo T mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 13-6-2018 đến khi cháu T đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Còn đối với con chung tên Trần Bảo L thì chị T không yêu cầu và anh P cũng không tự nguyện cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000đồng (gồm: 300.000đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: BN/2013. 03968 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Như vậy, chị T còn phải nộp 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh P không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-6-2018).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- UBND xã Thông Bình;
- UBND xã Tân Thành A;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Cư